

Số: 88 /2025/QĐ-CTUBND

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 180/TTr-STC ngày 24/9/2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, gồm:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản (trừ tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đất để xây dựng trụ sở làm việc) cho cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ, g khoản 1 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại cơ quan nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm b, khoản 3, b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác) và tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

g) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng) và tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

h) Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

i) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

k) Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

l) Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

m) Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

n) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Các nội dung không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.
5. Quyết định này không áp dụng đối với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị thuộc trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản (trừ tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đất để xây dựng trụ sở làm việc)

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản cho cơ quan nhà nước thuộc quyền quản lý của đơn vị mình (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản công do cấp mình đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ

Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ mà Nhà nước không có nhà ở công vụ để bố trí.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý trừ cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản khác

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định 186/2025/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định 186/2025/NĐ-CP tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ, g khoản 1 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại cơ quan nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm b, khoản 3, điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh định khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của đơn vị mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của đơn vị mình (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng), Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển đối với tài sản công (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà).

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15).

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ

đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định quyết định bán đối với tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của đơn vị mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15)

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng

trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của đơn vị mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước và tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương

Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án sử dụng tài sản công thuộc quyền quản lý của quản lý, sử dụng của đơn vị mình vào mục đích kinh doanh, cho thuê.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc cấp xã quản lý (trừ trường hợp điều chuyển tài sản trong trường hợp đặc biệt); bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do cấp xã quản lý.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXL VPHC, Bộ Tư pháp; (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CSDL văn bản QPPL tỉnh Tuyên Quang;
- Báo và Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Như Điều 16;
- Lưu: VT, KTTH (Tuân)

CHỦ TỊCH



Phan Huy Ngọc